TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2017/DS-ST
Ngày: 11/8/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán, Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Vũ Thị Hiệp;
2/ Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.
-Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:* Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Toà án.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy -Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/8/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 76/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2017 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 286/2017/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2017/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần V..
Trụ sở: phố T, Phường H, quận K, thành phố Hà Nội.
Địa chỉ chi nhánh: đường S, phường N, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D. – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần V..
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T., sinh năm 1994. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
(Văn bản ủy quyền số 18/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 20/3/2017)

- *Bị đơn*: Ông Phạm Duy T., sinh năm: 1976 (Vắng mặt).
Địa chỉ: đường S, phường N, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, phía nguyên đơn trình bày:
Ngày 20/12/2014 ông Phạm Duy T. có ký hợp đồng tín dụng số 20141225-5000001-0097 với Ngân hàng Thương mại cổ phần V. (Ngân hàng TMCP V.) vay số tiền 20.531.971 (hai mươi triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn chín trăm bảy mươi mốt) đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận, ông T. có trách nhiệm thanh toán số tiền 31.587.000 (ba mươi mốt triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn) đồng (bao gồm 17.850.000 đồng tiền gốc và 13.737.000 đồng tiền lãi), trả chậm liên tiếp

trong vòng 24 tháng, 23 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.294.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.825.000 đồng. Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Ông T. đã nhận đủ số tiền trên và thanh toán cho Ngân hàng TMCP V. được 5 lần với tổng số tiền đã trả là 6.470.000 (sáu triệu bốn trăm bảy mươi nghìn) đồng (bao gồm 2.001.571 đồng tiền gốc và 4.467.429 đồng tiền lãi). Kể từ ngày 02/6/2015 ông T. không thanh toán thêm khoản tiền nào khác. Do ông T. đã trễ hạn thanh toán nên Ngân hàng TMCP V. khởi kiện yêu cầu ông Phạm Duy T. phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn nợ là 25.117.000 (hai mươi lăm triệu một trăm mười bảy nghìn) đồng, trong đó nợ gốc là 15.848.429 (mười lăm triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi chín) đồng, nợ lãi là 9.268.571 (chín triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi mốt) đồng. Ngân hàng TMCP V. không yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Ngoài ra, Ngân hàng TMCP V. không còn yêu cầu nào khác.

Phía bị đơn là ông Phạm Duy T. đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc nguyên đơn khởi kiện và tiến hành hòa giải nhưng ông T. cố tình vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V. - ông Nguyễn Văn T. có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Phạm Duy T. vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị đơn Phạm Duy T. đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng theo quy định pháp luật. Qua kiểm sát vụ án tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các T. liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]-Thẩm quyền loại việc:

Ngân hàng TMCP V. khởi kiện ông Phạm Duy T. yêu cầu thanh toán tiền vay. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc tranh chấp dân sự: "Hợp đồng dân sự vay tài sản".

[2]-Thẩm quyền lãnh thổ:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V. có đơn khởi kiện ông Phạm Duy T., ông T. có hộ khẩu thường trú tại đường S, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6.

[3]-Thời hiệu khởi kiện vụ án:

Căn cứ vào thời điểm ông Phạm Duy T. ngừng thanh toán các khoản theo thỏa thuận cho Ngân hàng TMCP V. bắt đầu vào ngày 02/6/2015. Ngày 20/3/2017, Ngân hàng TMCP V. có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân Quận 6. Thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng dân sự được xác định là 03 năm kể từ ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm theo quy định tại Điều 429, 688 Bộ luật dân sự 2015 nên việc khởi kiện vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các lần lấy lời khai, thông báo hòa giải và công khai chứng cứ, thông báo kết quả công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đều vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V. có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về nội dung:

- Ngày 20/12/2014, ông Phạm Duy T. có ký hợp đồng tín dụng số 20141225-500001-0097 vay của Ngân hàng TMCP V. số tiền 20.531.971 (hai mươi triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn chín trăm bảy mươi mốt) đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận, ông T. có trách nhiệm thanh toán số tiền 31.587.000 (ba mươi mốt triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn) đồng (bao gồm 17.850.000 đồng tiền gốc và 13.737.000 đồng tiền lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng, 23 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.294.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.825.000 đồng. Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Ông T. đã nhận đủ số tiền trên và thanh toán cho Ngân hàng TMCP V. được 5 lần với tổng số tiền đã trả là 6.470.000 (sáu triệu bốn trăm bảy mươi nghìn) đồng (bao gồm 2.001.571 đồng tiền gốc và 4.467.429 đồng tiền lãi). Như vậy ông T. còn nợ Ngân hàng TMCP V. số tiền 25.117.000 (hai mươi lăm triệu một trăm mười bảy nghìn) đồng. Kể từ ngày 02/6/2015 ông T. không thanh toán thêm khoản tiền nào khác dù Ngân hàng đã nhắc nhở. Những sự kiện này, phía bị đơn không phản đối và không chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh và không phản đối này. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao dịch giữa các bên là có thật và hợp pháp; Ngân hàng TMCP V. khởi kiện buộc ông Phạm Duy T. phải thanh toán số tiền còn nợ là 25.117.000 (hai mươi lăm triệu một trăm mười bảy nghìn) đồng một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

- Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP V. không yêu cầu bị đơn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh sau khi xét xử đối với số nợ trên.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Duy T. phải chịu 1.255.850 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP V. không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 266 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 429, 463, 465, 466, 688 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1/ Buộc ông Phạm Duy T. phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V. số tiền 25.117.000 (hai mươi lăm triệu một trăm mười bảy nghìn) đồng một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP V. không yêu cầu bị đơn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh sau khi xét xử đối với số nợ trên.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Duy T. phải chịu 1.255.850 (một triệu hai trăm năm mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V. số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 627.925 đồng (sáu trăm hai mươi bảy ngàn chín trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AD/2014/0004480 ngày 03/4/2017 của Chi chục thi hành án dân sự Quận 6.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án NDTPHCM;
-VKSND Q6;
-Chi cục THA DS Q6;
-Các đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thu